

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/DS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2018

Về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 101/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp dân sự đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DS-ST, ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2018/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thái Trúc Q, sinh năm 1971;

Cư trú: Số 235, tổ 28, khóm HB, phường VM, thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q là ông Trần Chí C, sinh năm: 1976, cư trú: ấp HT, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 15/5/2018, có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1975

Nơi công tác: Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Cần Thơ.

Nơi cư trú: Khóm CT3, phường CP B, thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Trường S là ông Phan Văn B, sinh năm 1970, cư trú: Số 1245, Quốc lộ 91, ấp Mỹ Pháo, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018, có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Trung H, sinh năm 1960; cư trú: Số 235, tổ 28, khóm HB, phường VM, thành phố CD, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Thanh D, sinh năm: 1959, cư trú: 410/59, tổ 02, khóm CL3, phường CP B, thành phố CD, tỉnh An Giang, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thái Trúc Q trình bày:*

Anh Nguyễn Trường S và chồng chị (Trần Trung H) quen biết nhau. Năm 2013, anh Trường S có đến nhà gặp chị và nói chồng chị có vay tiền của anh S nhưng chưa thanh toán. Chị vì uy tín của gia đình nên có đưa cho anh S các lần như sau:

Lần 1: Ngày 03/9/2013 anh S nhận 20.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 17/02/2014 anh S nhận 10.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 26/03/2014 S nhận 5.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 05/5/2014 anh S nhận 5.000.000 đồng;

Tổng cộng là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Mỗi lần nhận tiền anh S đều viết biên nhận cho chị (Q).

Do chị tin tưởng anh S, nên chị nghĩ chồng chị là anh H có vay tiền của anh S. Anh S lợi dụng lòng tin của chị (Q) để tìm đến chị đòi tiền anh H nợ của anh. Nay chị (Q) được biết anh H không có vay tiền anh S, nên chị khởi kiện và có yêu cầu anh S hoàn trả khoản tiền mà anh đã nhận của chị là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, không tính lãi.

*Theo bản ý kiến, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trường S trình bày:*

Anh (Nguyễn Trường S) và anh Trần Trung H quen biết nhau. Năm 2011 giá cả xăng dầu có biến động, anh H có gợi ý nếu có tiền thì gởi mua chờ giá lên bán lại có tiền lãi để tiêu xài, mua bán theo giá niêm yết tại cột bơm. Thời gian này anh có gởi cho anh H hơn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Sau đó, anh H có mượn lại anh S số tiền trên để làm dự án bãi bồi gần Miếu Vệ Thủy. Do anh H không thực hiện trả vốn - lãi, anh có gặp anh Hoàng Thanh D là kế toán của cửa hàng anh H, anh D kêu (S) đi gặp chị Q để chị Q trả chứ anh H không có tiền trả. Anh S có đến gặp chị Q và được chị Q đồng ý trả tiền cho anh H, chị Q cũng yêu cầu anh không cho anh H biết, sau đó chị gởi trả cho anh các đợt như sau:

Lần 1: Ngày 03/9/2013 nhận 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 17/02/2014 nhận 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

Lần 3: Ngày 26/03/2014 nhận 5.000.000 (Năm triệu) đồng;

Lần 4: Ngày 05/5/2014 nhận 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Tổng cộng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Các lần thanh toán, anh có viết biên nhận và có khấu trừ vốn vay của anh H và giao cho chị Q. Do chị Q không cho anh báo anh H biết nên khi nào trừ dần hết thì anh sẽ cho anh H biết, đến khi còn lại vốn gốc 50.000.000 đồng, anh (S) có báo cho anh H biết thì anh H thanh toán ngay cho anh 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, anh đã trả lại biên nhận nợ cho anh H, anh thừa nhận không có nói với anh H là chị Q đã trả được 40.000.000 đồng, vì anh S nghĩ là chị Q có nói với anh H rồi. Do đó, anh không chấp nhận yêu cầu kiện của chị Q.

*Người có quyền lợi và nghĩa liên quan anh Nguyễn Trung H có ý kiến trình bày:*

Anh và anh S quen biết nhau, anh S có gởi tiền cho anh mua bán xăng dầu (không nhớ thời gian), anh không có vay tiền của anh S, tiền mua bán xăng dầu các bên đã thanh toán xong, anh không có nợ tiền vay như trình bày của anh S, việc anh S đến gặp (Trúc Q – vợ anh) nói anh nợ tiền của anh S và Q đưa tiền cho S được 40.000.000 đồng, anh hoàn toàn không hay biết, đến khi Q nói với anh thì anh mới biết. Yêu cầu kiện của Q là đúng sự thật.

*Người làm chứng anh Hoàng Thanh D trình bày:*

Anh (D) là người làm công cho chị Trúc Q. Anh không nhớ chính xác thời gian nào, chị Q có nhờ anh đến gặp anh Nguyễn Trường S đưa tiền, số tiền bao nhiêu, đưa bao nhiêu lần thì anh không nhớ, chỉ biết khi đưa tiền xong thì anh S viết giấy đưa cho anh và anh đem về đưa cho chị Q. Việc anh S cho rằng anh biết việc anh H nợ tiền anh S là hoàn toàn không có.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST, ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CD đã:

*Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thái Trúc Q.

Buộc anh Nguyễn Trường S có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thái Trúc Q 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Nếu chậm trả theo thỏa thuận và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Trường S phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thái Trúc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Q 1.000.000 (một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014940 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 bị đơn ông Nguyễn Trường S làm đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST, ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CD.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### *Phân tranh luận:*

Bị đơn: Nguyên đơn cho rằng bị đơn lợi dụng lòng tin của nguyên đơn để đòi tiền ông H là không có cơ sở, bởi vì ông S là giám đốc của một chi nhánh Ngân hàng không thể chỉ vì có 40.000.000 đồng mà lợi dụng lòng tin của bà Q để lấy tiền. Bà Q cho rằng không nói cho ông H biết việc bà có trả nợ cho ông S, trong khi vợ chồng bà Q và ông S chung sống cùng một nhà là không có cơ sở. Sau khi ông H trả hết nợ thì ông S trả biên nhận nợ lại cho ông H là lẽ đương nhiên, nên hiện nay ông S không còn giữ biên nhận nợ. Đối với các biên nhận do ông S nhận tiền của bà Q thì nội dung biên nhận có ghi rõ là tiền ông H trả nợ nên ông S nên không cần thiết phải lấy lại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Nguyên đơn: Ông S cho rằng ông H đã quyết toán xong nợ cho ông S, thì phải có mặt bà Q để trừ lại số nợ bà Q đã trả nợ thay cho ông H. Sau khi ông S đã nhận đủ tiền thì phải lấy lại 04 biên nhận bà Q đã trả nợ cho ông H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

#### *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

#### *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Ông H cho rằng ông không vay tiền của ông S, ông chỉ liên quan đến tiền mua, bán xăng dầu với ông S và đã thanh toán xong, nhưng ông H không đưa ra chứng cứ gì xác nhận việc ông đã thanh toán phần tiền mua xăng, dầu cho ông S. Trong khi theo ông S khoảng năm 2011, ông S gửi ông H hơn 200.000.000 đồng để mua xăng dầu bán lại kiếm lời. Sau khi bán xong, ông H hỏi vay lại số tiền trên, lãi suất 3%/tháng. Sau đó, ông H đóng lãi và trả dần vốn gốc, mỗi lần trả vốn ông S đều viết biên nhận nợ thực tế còn lại giao cho ông H. Khoảng năm 2013, ông H không

trả tiền vốn còn nợ nên ông S kể lại cho Hoàng Thanh D nghe sự việc, ông D hướng cho ông S đến gặp bà Q vợ ông H và bà Q đồng ý trả nợ thay cho ông H.

Bà Q và ông H cho rằng ông H không có thiếu nợ ông S, nhưng bà Q lại đứng ra trả nợ thay cho ông H với số tiền tương đối lớn và trả thành nhiều đợt, trong thời gian dài (từ ngày 03/9/2013 đến ngày 05/5/2014), trong khi vợ chồng ông H bà Q hàng ngày chung sống, sinh hoạt chung gia đình, bà Q không biết chắc việc chồng bà là ông H có nợ sao lại đứng ra trả nợ thay. Ngoài ra, bà Q cho rằng bà đứng ra trả nợ cho ông S thay chồng, nhưng không cho ông H biết vì sợ ông H mất uy tín, trong khi tiền trả cho ông S bà giao qua cho D kế toán Công ty do ông, bà làm chủ, ông D trực tiếp giao tiền cho ông S và nhận biên nhận do ông S viết.

Tuy ông S không đưa ra được chứng cứ trực tiếp xác nhận việc vay tiền của ông H, nhưng thể hiện các biên nhận nhận tiền do bà Q trả, ông S có ghi tiền là của ông H trả nợ cho ông, nếu thực tế ông H không nợ thì ông S không thể ghi nội dung xác nhận việc này để giao cho bà Q. Do đó, biên nhận này là cơ sở xác nhận việc ông H có nợ tiền ông S.

Từ các nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh AG căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường S; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CD.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thái Trúc Q, đối với việc buộc ông Nguyễn Trường S có trách nhiệm trả lại cho bà 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bà Phạm Thái Trúc Q chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Nguyễn Trường S kháng cáo trong hạn và có nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo, nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người liên quan ông Trần Trung H và người làm chứng ông Huỳnh Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/9/2018, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG và diễn biến trước phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho bà Q thừa nhận ông S và ông H có hùn hạp làm ăn trong việc mua bán xăng dầu, ông S có đưa tiền cho ông H, không biết bao nhiêu, nhưng hai bên đã quyết toán xong. Năm 2013 ông S đến nhà gặp và nói với bà Q là ông H chồng bà Q có vay tiền của ông S nhưng chưa thanh

toán. Vì uy tín của gia đình và nghĩ ông H có nợ tiền nên có trả cho ông S 04 lần, từ ngày 03/9/2013 đến ngày 05/5/2014 tổng cộng 40.000.000đồng. Khi đó bà Q có dặn ông S không cho ông H biết việc bà Q trả nợ thay cho ông H.

Còn ông S thì cho rằng năm 2011 do giá cả xăng dầu có biến động, ông H gợi ý nếu có tiền thì gửi mua chờ giá lên bán lại để có tiền lãi tiêu xài. Ông có đưa cho ông H 200.000.000đồng. Năm 2013 hai bên không còn mua bán xăng dầu, khi quyết toán thì ông H còn nợ ông S 100.000.000đồng, ông H mượn lại ông S 100.000.000đồng và có làm biên nhận nợ cho ông S. Do đến hạn ông H không trả tiền nên ông S có gặp ông Hoàng Thanh D là kế toán của cửa hàng ông H, ông D kêu ông S đi gặp bà Q để bà Q trả nợ thay ông H. Khi ông S đến gặp và có đưa cho bà Q xem biên nhận nợ của ông H, thì bà Q đồng ý trả nợ thay cho ông H 04 lần được 40.000.000đồng, mỗi lần trả tiền ông H đều viết biên nhận và khấu trừ vào vốn vay của ông H. Trong thời gian bà Q trả tiền cho ông S thì ông H cũng trả cho ông S 2 lần được 10.000.000đồng (Mỗi lần 5.000.000đồng). Còn lại 50.000.000đồng thì ông H đã trả cho ông S và ông S đã trả lại biên nhận nợ cho ông H.

Căn cứ để bà Q yêu cầu ông S trả lại 40.000.000đồng là ông H nói không có nợ tiền ông S, mà do ông S lợi dụng lòng tin của bà để đòi tiền. Xét thấy, tuy ông H không thừa nhận có vay tiền ông S, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H có lời khai thừa nhận: “Tôi và S có quen biết qua mua bán xăng dầu với nhau, ông S có gửi tiền mua bán xăng dầu” (BL 43); tại phiên tòa thì người đại diện cho bà Q cũng thừa nhận ông S có đưa tiền cho ông H để hùn hạp mua bán xăng dầu, như vậy lời khai của ông H, bà Q phù hợp với lời khai của ông S. Do đó, việc ông H có nhận tiền của ông S là thực tế có xảy ra, ông H cho rằng việc mua bán xăng dầu các bên đã thanh toán xong nhưng không chứng minh được đã trả tiền lại cho ông S.

Bà Q cho rằng ông H không biết việc bà trả nợ cho ông S, bà cũng không nói cho ông H biết sợ ông H mất uy tín là không có cơ sở thuyết phục. Bởi vì, bà Q và ông H là vợ chồng, hàng ngày chung sống, sinh hoạt cùng một nhà, cùng kinh doanh cửa hàng xăng dầu, nếu bà Q không chắc có việc ông H nợ tiền ông S thì không đứng ra trả nợ thay. Mặt khác, nếu ông H không nợ tiền ông S thì bà Q không đứng ra trả nợ thay cho ông H với số tiền tương đối lớn, trả thành nhiều đợt, trong thời gian dài (từ ngày 03/9/2013 đến ngày 05/5/2014), mỗi lần trả tiền ông S đều có làm biên nhận có ghi nội dung là tiền ông H trả nợ và số tiền nợ còn lại.

Tại biên nhận lần thứ nhất ngày 03/9/2013 có thể hiện bà Q có trả được 20.000.000đồng, số tiền còn lại là 80.000.000đồng, điều này phù hợp với lời trình bày của ông S cho rằng sau khi quyết toán việc mua bán xăng dầu thì ông H còn nợ ông S 100.000.000đồng. Hơn nữa, mỗi lần bà Q trả tiền cho ông S đều thông qua ông D là kế toán của công ty bà Q, ông H làm chủ, ông D trực tiếp giao tiền cho ông S và nhận biên nhận do ông S viết, việc trả tiền chỉ diễn ra trong nội bộ ba người, ngoài ra không ai biết, vợ chồng trả nợ thay cho nhau thì không ảnh hưởng gì về uy tín.

Tuy ông S không đưa ra được chứng cứ trực tiếp chứng minh việc vay tiền của ông H, nhưng tại các biên nhận nhận tiền do bà Q trả, ông S có ghi tiền là của ông H trả nợ cho ông, nếu thực tế ông H không nợ thì ông S không thể ghi nội dung xác nhận việc này để giao cho bà Q. Do đó lời khai nhận của ông H là ông S có gửi tiền cho ông mua bán xăng dầu và các biên nhận ngày 03/9/2013, ngày 17/02/2014, ngày 26/3/2014 và ngày 05/5/2014 là cơ sở chứng minh cho việc ông H có nợ tiền ông S.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 40.000.000đồng là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố CD theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án](#), buộc bà Q phải chịu 2.000.000đồng, khấu trừ vào 1.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014940 ngày 21/11/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà Q còn phải nộp thêm 1.000.000đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trường S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007356 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CD.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;**

**[Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.](#)**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST, ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố CD.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thái Trúc Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Trường S phải trả số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu).

- Về án phí sơ thẩm: Bà Q phải chịu 2.000.000đồng, khấu trừ vào 1.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014940 ngày

21/11/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà Q còn phải nộp thêm 1.000.000đồng.

- **Án phí phúc thẩm:** Ông Nguyễn Trường S được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007356 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CD.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án được thông qua tại phòng nghị án).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND - An Giang;
- TAND - Tp. CD;
- THA - Tp. CD;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phượng**



